

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

CHÍNH PHỦ

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 48/2015/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 15 tháng 5 năm 2015

NGHỊ ĐỊNH

Quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục nghề nghiệp

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27 tháng 11 năm 2014;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội,

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục nghề nghiệp.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục nghề nghiệp, bao gồm:

1. Thẩm quyền và nội dung quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp.

2. Hợp tác quốc tế về giáo dục nghề nghiệp, gồm: Điều kiện, thẩm quyền, trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký liên kết đào tạo với nước ngoài; điều kiện, thủ tục cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

3. Quyền và trách nhiệm của doanh nghiệp trong hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp, trường cao đẳng công lập, tư thục và có vốn đầu tư nước ngoài.

2. Cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương; các Bộ, cơ quan ngang Bộ; Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi

là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh), cơ quan chuyên môn giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh; Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp huyện); Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp xã).

3. Tổ chức, cá nhân Việt Nam và nước ngoài có liên quan đến hoạt động giáo dục nghề nghiệp tại Việt Nam.

Điều 3. Cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp

Cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp bao gồm:

1. Cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương.
2. Cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở địa phương: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình thực hiện quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh theo phân cấp của Chính phủ và theo quy định tại Nghị định này.

Chương II

THẨM QUYỀN VÀ NỘI DUNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

Điều 4. Thẩm quyền và nội dung quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp của cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương

1. Chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan có liên quan xây dựng trình Chính phủ xem xét, quyết định:

a) Trình Quốc hội dự án luật, nghị quyết; trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội dự thảo pháp lệnh, nghị quyết;

b) Ban hành nghị định, nghị quyết của Chính phủ.

2. Chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan có liên quan xây dựng trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định:

a) Ban hành các quyết định, chỉ thị, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch dài hạn, trung hạn, ngắn hạn; chương trình mục tiêu, các dự án, đề án phát triển giáo dục nghề nghiệp;

b) Tổ chức bộ máy giúp Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương để thực hiện quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp theo quy định của pháp luật.

3. Ban hành các thông tư, quyết định về tiêu chuẩn, quy chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật; hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ thuộc lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp theo thẩm quyền.

4. Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá và chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật, chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình mục tiêu và các đề án, dự án về giáo dục nghề nghiệp sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

5. Quy định khối lượng kiến thức tối thiểu ở mỗi trình độ đào tạo.

6. Quy định yêu cầu về năng lực mà người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp đối với từng trình độ đào tạo của giáo dục nghề nghiệp bao gồm: Kiến thức chuyên môn, kỹ năng, thái độ, trách nhiệm nghề nghiệp trên cơ sở tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia tương ứng với trình độ đào tạo và mức độ tự chủ để thực hiện công việc theo yêu cầu của chuyên ngành hoặc nghề.

7. Quy định quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành và tổ chức thực hiện chương trình đào tạo các trình độ sơ cấp, trung cấp và cao đẳng được thực hiện theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy trình tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định, duyệt và sử dụng giáo trình giáo dục nghề nghiệp; quy định về đào tạo liên thông và việc liên kết tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp Việt Nam; xây dựng tiêu chí xác định chương trình đào tạo chất lượng cao.

8. Quy định cụ thể điều kiện, yêu cầu, thủ tục thành lập hoặc cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, đình chỉ hoạt động, giải thể cơ sở giáo dục nghề nghiệp, phân hiệu của cơ sở giáo dục nghề nghiệp (trừ cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài); điều kiện, thẩm quyền, thủ tục cấp, thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

9. Ban hành điều lệ trường cao đẳng, trường trung cấp và trung tâm giáo dục nghề nghiệp; quy định việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh của cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp và ban hành quy chế tuyển sinh đào tạo; quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo theo chuyên ngành hoặc nghề, theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy định về đào tạo thường xuyên, đào tạo trong doanh nghiệp, tổ chức bồi dưỡng hoàn thiện kỹ năng nghề cho người lao động; quy định về quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; quy định mẫu bằng, chứng chỉ đào tạo, việc in, quản lý, cấp phát, thu hồi, hủy bỏ bằng, chứng chỉ đào tạo giáo dục nghề nghiệp; quy định trách nhiệm của cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trong việc cấp bằng, chứng chỉ đào tạo tại Việt Nam.

10. Quy định cụ thể trình độ chuẩn được đào tạo về chuyên môn và nghiệp vụ của nhà giáo giảng dạy các trình độ giáo dục nghề nghiệp bao gồm: Trình độ đào tạo, chứng chỉ kỹ năng nghề để dạy thực hành theo yêu cầu của nghề nghiệp, chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm; tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ các chức danh nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp; tiêu chuẩn người đứng đầu cơ sở giáo dục nghề nghiệp; quy chế đánh giá viên chức giáo dục nghề nghiệp; nội dung, hình thức tuyển dụng viên chức giáo dục nghề nghiệp; chế độ làm việc của nhà

giáo giáo dục nghề nghiệp; nội dung chương trình đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng nghề, nghiệp vụ sư phạm cho nhà giáo trong các cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp và cơ sở đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp; mẫu và quy chế quản lý, cấp chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm giáo dục nghề nghiệp. Hướng dẫn công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng nhà giáo, người dạy các chương trình đào tạo thường xuyên và cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp. Chỉ đạo, tổ chức thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức giáo dục nghề nghiệp và tặng thưởng các danh hiệu vinh dự cho nhà giáo giáo dục nghề nghiệp theo quy định của pháp luật.

11. Ban hành quy chế công tác học sinh, sinh viên.

12. Quy định về điều kiện cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục nghề nghiệp đào tạo theo chuyên ngành hoặc nghề; danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu đáp ứng yêu cầu đào tạo của từng trình độ đào tạo theo chuyên ngành hoặc nghề; danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu đáp ứng yêu cầu đào tạo cho các nghề trọng điểm quốc gia, nghề chất lượng cao để tiếp cận trình độ tiên tiến của khu vực, quốc tế; mức tiêu hao vật tư trong quá trình đào tạo cho từng nghề, từng trình độ đào tạo và cho các nghề trọng điểm quốc gia, nghề chất lượng cao tiếp cận với trình độ tiên tiến của khu vực, quốc tế.

13. Quy định danh mục những ngành, nghề đào tạo theo chuyên ngành hoặc nghề ở các cấp trình độ cao đẳng, trung cấp; danh mục các ngành, nghề nặng nhọc, độc hại; danh mục các ngành, nghề mà tổ chức, cá nhân nước ngoài được phép hợp tác, đầu tư trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp tại Việt Nam.

14. Quy định điều kiện, thẩm quyền thành lập, cho phép thành lập, giải thể tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp; nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp; tiêu chí, tiêu chuẩn, quy trình, chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp; công nhận kết quả kiểm định của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp; cấp và thu hồi giấy chứng nhận đạt chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp; tiêu chuẩn, nhiệm vụ, quyền hạn của kiểm định viên, tổ chức đào tạo kiểm định viên kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp; quản lý và cấp thẻ kiểm định viên chất lượng giáo dục nghề nghiệp; quy định về xây dựng hệ thống bảo đảm chất lượng của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

15. Quản lý, tổ chức hợp tác quốc tế về giáo dục nghề nghiệp theo quy định của pháp luật.

16. Quy định trình tự, thủ tục công nhận bằng, chứng chỉ giáo dục nghề nghiệp do cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài cấp và công nhận tương đương đối với người tốt nghiệp các trình độ đào tạo nghề nghiệp ở nước ngoài.

17. Hướng dẫn việc xếp hạng cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

18. Quyết định thành lập, sáp nhập, chia, tách, giải thể trường cao đẳng công lập hoặc cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, giải thể trường cao đẳng tư thục, trường cao đẳng có vốn đầu tư nước ngoài; công nhận trường cao đẳng tư thục, trường cao đẳng có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận; cấp giấy phép thành lập văn phòng đại diện của cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài hoạt động tại Việt Nam. Tổ chức thực hiện việc đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trường cao đẳng và cơ sở giáo dục đại học đào tạo theo chuyên ngành, nghề có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

19. Hướng dẫn và kiểm tra hoạt động của hội, hiệp hội, tổ chức phi Chính phủ trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp theo quy định của pháp luật.

20. Chỉ đạo, hướng dẫn và triển khai việc ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp. Tổ chức thực hiện công tác thống kê, thông tin và xây dựng cơ sở dữ liệu về giáo dục nghề nghiệp.

21. Chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác nghiên cứu, phổ biến và ứng dụng khoa học, công nghệ, sản xuất, kinh doanh, dịch vụ về giáo dục nghề nghiệp.

22. Định kỳ tổ chức và chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức hội giảng nhà giáo dạy giỏi, hội thi thiết bị đào tạo tự làm, hội thi văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cho học sinh, sinh viên cấp quốc gia, phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước về lao động tổ chức thi tay nghề quốc gia và tham gia thi tay nghề khu vực ASEAN, quốc tế.

23. Huy động, quản lý và sử dụng các nguồn lực để phát triển giáo dục nghề nghiệp.

24. Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giáo dục nghề nghiệp; giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về giáo dục nghề nghiệp theo quy định của pháp luật.

25. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Trách nhiệm của Bộ, cơ quan ngang Bộ trong việc phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương thực hiện quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp

1. Bộ, cơ quan ngang Bộ theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương thực hiện quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp theo thẩm quyền, bảo đảm sự thống nhất quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp.

2. Bộ, cơ quan ngang Bộ có cơ sở giáo dục nghề nghiệp trực thuộc có trách nhiệm:

a) Xây dựng và thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch dài hạn, trung hạn, ngắn hạn về giáo dục nghề nghiệp thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ phù hợp với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển giáo dục nghề nghiệp quốc gia, đáp ứng nhu cầu nhân lực kỹ thuật của ngành và xã hội;